

Bản án số: 58/2020/HS-ST

Ngày: 30/9/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà** : Ông Nguyễn Hữu Mạnh.
- **Các Hội thẩm nhân dân** : Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.
- **Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà**: Bà Phan Thị Ninh, Thư ký Toà án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện K -Tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà**: Ông Phạm Anh Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 53/2020/HSST ngày 04 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2020/QĐXXST-HS ngày 16/9/2020 đối với bị cáo :

Họ và Tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: xóm 2A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị N; vợ, con : chưa có.

+Tiền án: Ngày 24/7/2019 bị Tòa án nhân dân quận T, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 12 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và 200.000đ án phí hình sự. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù nhưng chưa thi hành phần án phí.

+Tiền sự:

- Ngày 06/6/2014 bị Công an huyện K, tỉnh Ninh Bình xử phạt hành chính 2.000.000đ về hành vi đánh bạc. Bị cáo chưa chấp hành.

- Ngày 15/11/2018 bị Công an huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt hành chính 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo chưa nhận quyết định nên chưa thi hành.

+Lịch sử bản thân:

- Quyết định số 896/QĐ-UB ngày 30/5/2002 Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 12 tháng.

- Ngày 26/10/2006 bị TAND quận B, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 4 năm 6 tháng tù về tội cướp tài sản.

- Ngày 19/11/2009 bị TAND huyện N, tỉnh KonTum xử phạt 4 năm 6 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

- Ngày 12/9/2014 bị TAND quận H, thành phố Hà Nội xử phạt 25 tháng tù về tội trộm cắp tài sản.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/5/2020 tại trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình (có mặt).

* Người bị hại: Chị Trần Thị H, sinh năm 1984; Trú tại xóm 5, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đỗ Văn T2, sinh năm 1981; Trú tại xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1973; Trú tại xóm 13, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt).

- Chị Trương Thị M, sinh năm 1989; Trú tại thôn M, xã H, huyện Q, tỉnh Nghệ An (ủy quyền cho anh Nguyễn Văn H1), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 14 giờ 20 phút ngày 25/4/2020 Nguyễn Văn T đi xe mô tô đến chợ xã K để mua hải sản. Khi đến cửa hàng thu mua hải sản của chị Trần Thị H, T dựng xe ngoài cửa quán và vào trong mua hải sản. Trong lúc chị H đi vào trong bếp lấy hàng thì T phát hiện có chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X đang để trên bàn cạnh cửa ra vào của cửa hàng. T lén lút lấy điện thoại bỏ vào túi quần bên trái sau đó đứng chờ chị H ra thanh toán tiền mua hải sản rồi điều khiển xe đi về. Sau khi trộm cắp được điện thoại, T đi đến cửa hàng điện thoại H T ở xóm 4, xã K bán chiếc điện thoại vừa trộm cắp được cho anh Đỗ Văn T2 là chủ của hàng với giá 2.300.000đ. Khi bán điện thoại, T tháo sim trong máy ra vứt đi. Đến ngày 27/4/2020 chị Trần Thị H đã làm đơn trình báo công an xã K. Quá trình điều tra xác minh, công an triệu tập T lên làm việc, T đã khai nhận việc trộm cắp điện thoại của chị H.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/HĐ-ĐG ngày 08/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X dung lượng 256GB có giá trị còn lại là 8.500.000đ.

Bản cáo trạng số 59/CT-VKS ngày 03/9/2020 VKSND huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “ Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 18 - 21 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các lời khai trước đây tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình gây ra. Nội dung bị cáo khai, chiều ngày 25/4/2020 bị cáo đi xe mô tô từ nhà bị cáo ở xóm 2A, xã L xuống khu vực xã K để mua hải sản về ăn lẩu. Khi đến chợ K bị cáo vào cửa

hàng thu mua hải sản của chị H để hỏi mua. Trong lúc mua hàng phát hiện thấy có chiếc điện thoại Iphone X của chị H để trên mặt bàn cạnh cửa ra vào, nhân lúc chị H đi vào trong nhà để lấy hàng, bị cáo đã lấy trộm chiếc điện thoại cho vào túi quần, sau đó thanh toán tiền hàng cho chị H rồi lên xe đi về. Khi đi đến địa phận xã K bị cáo vào cửa hàng điện thoại HT bán chiếc điện thoại vừa trộm cắp được cho anh T chủ cửa hàng với giá 2.300.000đ. Khi bị cơ quan công an triệu tập bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp lại số tiền bán chiếc điện thoại cho cơ quan công an.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như đơn trình báo, sơ đồ hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu cũng như kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Hội đồng định giá tài sản huyện K về giá trị tài sản mà bị cáo đã trộm cắp.

[2] Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận, với hành vi trộm cắp tài sản của người khác có giá trị 8.500.000đ, bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo mang tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo hộ. Lợi dụng người bị hại có sơ hở trong việc trông coi tài sản, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của họ nhằm phục vụ cho việc tiêu sài của bản thân. Hành vi phạm tội của bị cáo phải được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần ngăn chặn những hành vi phạm tội tương tự có thể xảy ra trên địa bàn.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo đang có tiền án lại thực hiện hành vi phạm tội là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Về tình tiết giảm nhẹ: sau khi bị phát hiện bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, tự giác giao nộp số tiền bán tài sản trộm cắp cho cơ quan công an và khai ra nơi tiêu thụ tài sản giúp cơ quan điều tra thu hồi được tài sản trả lại cho người bị hại, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xét mức độ hành vi phạm tội của bị cáo tuy không lớn, nhưng bị cáo là người có nhân thân xấu đã nhiều lần bị xử lý hình sự về hành vi chiếm đoạt tài sản, hiện đang có tiền án về tội trộm cắp tài sản, gia đình không quản lý được, vì vậy HĐXX xét thấy cần buộc bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện.

[4] Về trách nhiệm dân sự: chị H (người bị hại) đã được nhận lại tài sản là chiếc điện thoại mà bị cáo trộm cắp; anh T2 là người mua điện thoại do bị cáo trộm cắp, nhưng anh T2 không biết chiếc điện thoại trên do bị cáo phạm tội mà có, đây là quan hệ giao dịch dân sự bất hợp pháp nhưng ngay tình vì vậy VKS nhân dân huyện K đã trả lại số tiền 2.300.000đ thu từ bị cáo cho anh T2, đến nay chị H và anh T2 không có yêu cầu gì thêm về việc bồi thường đối với bị cáo, do vậy trách nhiệm dân sự của bị cáo không cần xem xét đến nữa.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: chiếc xe mô tô BKS 35K1 – 366.84, đăng ký xe mang tên anh Nguyễn Văn H1, nhưng là xe của chị Trương Thị M, do chị M nhờ anh H1 đứng tên mua giúp và chị M cho bị cáo T mượn nhưng không biết bị cáo dùng để đi trộm cắp tài sản, quá trình giải quyết vụ án, cơ quan điều

tra đã trả lại chiếc xe trên cho chị M (do anh Nguyễn Văn H1 là người đại diện theo ủy quyền nhận thay).

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án, Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện hành vi tố tụng hợp pháp theo đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 25/5/2020.

+ Căn cứ Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người có quyền nghĩa vụ thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND Huyện K;
- Chi cục THADS Huyện K;
- Công an Huyện K;
- UBND xã L;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nv liên quan;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Mạnh